

(Áp dụng từ ngày 04/05/2023)

GV/CN		Thy	Thủy	Lan	Hằng	Duyên	Trình	Minh	Trăng	Quyên
Thứ	Tiết	7.1	7.2	7.3	7.4	8.1	8.2	8.3	8.4	8.5
HAI	1	Toán (Kiến)	KHTN (Minh)	Văn (Hà)	Toán (Thương)	Toán (Chi)	Hóa (Hoàng)	Tin (Chi)	Anh (Khôi)	Địa (Duyên)
	2	Toán (Kiến)	KHTN (Minh)	Văn (Hà)	Toán (Thương)	Toán (Chi)	Địa (Duyên)	Tin (Chi)	Anh (Khôi)	Hóa (Hoàng)
	3	KHTN (minh)	HỆTN.HN(Thủy)	Toán (Kiến)tt	Văn (Hà)	TD (Tâm)	Toán (Chi)tt	Địa (Duyên)	Hóa (Hoàng)	Tin (Chi)
	4	KHTN (minh)	HỆTN.HN(Thủy)	Toán (Kiến)tt	Văn (Hà)	TD (Tâm)	Toán (Chi)tt	Hóa (Hoàng)	CN (Trung)	Tin (Chi)
BA	1	KHTN (Minh)tt	Anh (Tiến)	TD (Sơn)	Toán (Thương)tt	Văn (Trình)	TD (Tâm)	Anh (Khôi)	Văn (Thảo)	CN (Trung)
	2	Văn (Trình)	Anh (Tiến)	TD (Sơn)	Toán (Thương)tt	Lý (T. Phương)	TD (Tâm)	Anh (Khôi)	Văn (Thảo)	Sinh (Minh)
	3	Văn (Trình)	KHTN (Minh)	Văn (Hà)tt	KHTN (Lan)tt		Anh (Khôi)		MT (Đức)	Lý (T. Phương)tt
	4			KHTN (Lan)tt	Văn (Hà)tt		Anh (Khôi)		Lý (T. Phương)tt	Hóa (Hoàng)
TƯ	1	Toán (Kiến)tt	LS-ĐL (Thủy)	Tin (Chi)	Anh (Thy)	CN (Trung)	Sinh (Minh)	GDCD (Hằng))	TD (Tâm)	Anh (Khôi)
	2	Toán (Kiến)tt	LS-ĐL (Thủy)	LS-ĐL (D. Thảo)	Tin (Chi)	Anh (Khôi)	CN (Trung)	Sinh (Minh)	TD (Tâm)	GDCD (Hằng)
	3	HỆTN.HN(Thy)	Toán (Kiến)tt	GDDP (D. Thảo)	GDCD (Hằng)	Anh (Khôi)		CN (Trung)	Sử (Lợi)	Sinh (Minh)
	4	HỆTN.HN(Thy)	Toán (Kiến)tt	GDCD (Hằng)	LS-ĐL (D. Thảo)	Nhạc (Linh)			Anh (Khôi)	Toán (Quyên)tt
NĂM	1	Tin (Chi)	Văn (Thảo.N)tt	Anh (Tiến)	GDDP (D. Thảo)	Hóa (Hoàng)tt	GDCD (Hằng)	Văn (Trình)tt	GDCD (Lợi)	Toán (Quyên)tt
	2	GDDP (D. Thảo)	Tin (Chi)	Anh (Tiến)	Anh (Thy)TC	GDCD (Hằng)	Văn (Trình)tt	Lý (Phương)tt	Văn (Thảo)tt	Hóa (Hoàng)tt
	3	Văn (Trình)tt	GDDP (D. Thảo)		Anh (Thy)tt	Độc sách TV	Lý (T. Phương)tt	Anh (Khôi)	Tin (chi)	Văn (Thảo)tt
	4				Kỹ năng sống	Lý (T. Phương)tt		Anh (Khôi)tt	Tin (chi)	Địa (Duyên)
SÁU	1	LS-ĐL (Thủy)	Văn (Thảo.N)	HỆTN.HN (Lan)	HỆTN.HN(Hằng)	Toán (Chi)tt	Tin (Chi)	Văn (Trình)tt	Anh (Khôi)	TD (Tâm)
	2	LS-ĐL (Thủy)	Văn (Thảo.N)	HỆTN.HN (Lan)	HỆTN.HN(Hằng)	Toán (Chi)tt	Tin (Chi)	Văn (Trình)tt	Anh (Khôi)	TD (Tâm)
	3				TD (Sơn)					
	4				TD (Sơn)					

TRƯỜNG THCS

NĂM HỌC 2022 - 2023

[illegible]



TRƯỜNG THCS CÁN THẠNH

THỜI KHÓA BIỂU BUỔI CHIỀU
NĂM HỌC 2022 - 2023
(Áp dụng từ ngày 04/05/2023)

GVCN	Lê	K. Phụng	Xuân	Tâm	M. Hoàng	D. Thảo	Hà	T. Thảo	Chi	T. Phụng	
THỨ	TIẾT	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	9.1	9.2	9.3	9.4	9.5
HAI	1	LS-ĐL (Hùng)	Toán (Hải)tt	KHTN (Phước)	Anh (Tiến)	LS-ĐL (Thúy)	Anh (Thy)	Toán (Quyên)	Toán (Trắng)	Anh (Lê)	Anh (TANN)
	2	LS-ĐL (Hùng)	Toán (Hải)tt	KHTN (Phước)	LS-ĐL (Thúy)	Anh (Tiến)	Anh (Thy)	Toán (Quyên)	Toán (Trắng)	Anh (Lê)	Anh (TANN)
	3	KHTN (Phước)	LS-ĐL (Hùng)	Văn (Thảo.N)	Toán (Thương)	Anh (Tiến)	Toán (Quyên)	Anh (Thy)	Anh (Khôi)		Anh (Lê)
	4	KHTN (Phước)	LS-ĐL (Hùng)	Văn (Thảo.N)	Toán (Thương)	Anh (Tiến) tt	Toán (Quyên)	Anh (Thy)	Anh (Khôi)		Anh (Lê)
BA	1	TD (Ngôn)	Văn (Thảo.N)	HĐTN.HN (Xuân)	CN (Hoàng)	KHTN (Phượng)	Văn (Hà)			Văn (Trang)	Anh (Lê)
	2	TD (Ngôn)	Văn (Thảo.N)	HĐTN.HN (Xuân)	Tin (Trung)	KHTN (Phượng)	Văn (Hà)			Văn (Trang)	Anh (Lê)
	3	Văn (Thảo.N)	Tin (Trung)	Anh (Tiến)	Văn (Trang)	CN (Hoàng)					Toán (Kiên)
	4	Tin (Trung)	KHTN (Phượng)	Văn (Thảo.N)	Văn (Trang)						Toán (Kiên)
TƯ	1	LS-ĐL (Hùng)	CN (Hoàng)	TD (Ngôn)	MT (Xuân)	Toán (Thương)					
	2	GDDP (Hùng)	KHTN (Phượng)tt	TD (Ngôn)	Anh (Tiến)	Toán (Thương)					
	3	Toán (Thương)tt	LS-ĐL (Hùng)	LS-ĐL (Thúy)	Nhạc (Linh)	Anh (Tiến)					
	4	Toán (Thương)tt	GDDP (Hùng)	Anh (Tiến)	Rèn kỹ năng sống						
NĂM	1	KHTN (Phước)tt	HĐTN.HN (Hùng)	Toán (Thương)tt	Văn (Trang)tt	LS-ĐL (Thúy)		Văn (Hà)	Anh (Khôi)		
	2	Anh (Lê)	HĐTN.HN (Hùng)	Toán (Thương)tt	KHTN (Phước)tt	LS-ĐL (Thúy)		Văn (Hà)	Anh (Khôi)		
	3	Anh (Lê)tt	Văn (Thảo.N)tt	KHTN (Phước)tt	GDCD (Hàng)	Anh (Tiến)tt					
	4	Rèn kỹ năng sống			Anh (Tiến)tt	Văn (Thảo.N)tt					
SÁU	1				Toán (Thương)tt	Anh (Tiến)					
	2				Toán (Thương)tt	Anh (Tiến)					
	3				GDDP (Hùng)	Toán (Thương)tt					
	4					Toán (Thương)tt					